

Chủ Nghĩa Yêu Nước và Chủ Nghĩa Dân Tộc

Chủ nghĩa dân tộc có thực sự là chương ngại đối với xu thế văn minh hoàn vũ / toàn cầu hóa không?

Để có thể trả lời, chúng ta cần phải tìm hiểu chân-diện-mục của chủ nghĩa dân tộc. Thông thường, nhiều người hay lẫn lộn *chủ nghĩa dân tộc (nationalism)* với *chủ nghĩa yêu nước (patriotism)*.

Trên thực tế, chủ nghĩa yêu nước - mà ngôn ngữ thông thường gọi là “lòng yêu nước” hay “lòng ái quốc” – là một biểu lộ đầy cảm tính nhằm bảo vệ những biểu hiện cụ thể đương đại liên hệ đến tổ quốc như: sự toàn vẹn lãnh thổ và sự tồn vong của chế độ đương thời (mà an sinh của dân tộc cũng như chính gia đình mình tùy thuộc vào) trước mối đe dọa từ bên ngoài, nếu cần, bằng chính sinh mạng mình. Thông thường, chủ nghĩa yêu nước được khích động và huy động bởi nhà cầm quyền, Vì vậy, chủ nghĩa này luôn luôn bị liên hệ chặt chẽ và đôi lúc dễ dàng bị thao túng bởi những ý đồ của các triều đại hoặc thể chế đương thời. Xưa kia, *ái quốc thường đi đôi với trung quân*. Gần đây, *người cộng sản bắt “yêu nước phải đi kèm với yêu xã hội chủ nghĩa.”*

Trong khi đó, *chủ nghĩa dân tộc hay ý thức dân tộc - bao hàm ý thức bảo tồn, truyền thừa và phát triển các giá trị vĩnh hằng do dân tộc sáng tạo và tích lũy qua quá trình lịch sử - nhằm duy trì dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc và phát huy ngày thêm tốt đẹp.*

Nhìn dưới khía cạnh “lực” thì *lòng yêu nước ví như ngoại công, còn ý thức dân tộc tỷ như nội lực.*

Nhìn dưới khía cạnh “nghĩa vụ đối với quốc gia, dân tộc” thì *tinh thần ái quốc khiến con dân sẵn sàng chết cho tổ quốc, trong khi đó, ý thức dân tộc khiến người dân không những chỉ dám hy sinh tính mạng cho đất nước mà con biết sống cho tổ quốc, để duy trì và phát huy dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc nữa.*

Một người có ý thức dân tộc luôn luôn trân trọng trách nhiệm “giữ thơm quê mẹ”. Ý thức dân tộc chẳng những là nền móng của sự hình thành quốc gia mà còn là một yếu tính của xã hội công dân.

Ái quốc chủ nghĩa thường gắn liền với sự bảo vệ trước mắt các đối tượng cụ thể, nhất thời. Trong khi đó, dân tộc chủ nghĩa kiên trì trong sứ mệnh bảo tồn và phát huy những giá trị tinh thần vĩnh hằng của dân tộc. *Vì thế, khi cần phải bảo tồn dòng sinh mệnh vĩnh hằng của dân tộc, ái quốc chủ nghĩa phải nhường bước cho dân tộc chủ nghĩa.* Đó là trường hợp của Nhật Bản trong Đệ Nhị Thế Chiến. Nhật Hoàng đã phải trấn áp ngọn sóng ái quốc mà căn rặng xin quy hàng Hoa Kỳ để bảo tồn dòng sinh mệnh văn hóa của hậu duệ Thái Dương Thần Nữ.

Chủ nghĩa dân tộc, nuôi dưỡng và phát huy “hồn dân tộc”, bao hàm bản sắc và nội lực, giúp dân tộc được trường tồn với một bản sắc cá biệt trong muôn vàn dân tộc khác trên thế giới. Chính ý thức dân tộc sâu sắc ấy đã giúp dòng Lạc Việt bảo tồn được bản sắc trước áp lực đồng hóa khủng khiếp và liên tục hơn một ngàn năm của Hoa, Hán tộc. Trăm dòng Việt (Bách Việt) trải dài từ phía Nam sông Dương Tử xuống đến phương Nam núi Ngũ Lĩnh chỉ còn tồn tại một dòng Việt duy nhất- Lạc Việt - ngày nay. Sự kiện dân Do Thái dù phải tha hương khắp thế giới cả ngàn năm nhưng đã trở về dựng lại được đất nước chính là một thiên sử ca hùng tráng của chủ nghĩa dân tộc. Trong kiếp tha hương đọa đầy hàng thiên niên kỷ ấy, người Do Thái đã mang theo hồn nước, bám chặt vào bản sắc và nội lực của văn hóa dân tộc nên duy trì được dòng sinh mệnh của giống nòi.

Chủ nghĩa dân tộc chứa hồn dân tộc, dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc, nên có tính huyền nhiệm và hấp lực như tôn giáo. Vì thế, Emile Durkheim, một nhà xã hội học Pháp trong cuốn “The Elementary Forms of the Religious Life” (bản dịch Anh ngữ 1965, bản chính 1912) đã tiên đoán sự tàn lụi của tôn giáo trong tương lai: *tôn giáo sẽ được thay thế bởi ý thức hệ dân tộc vì không những nó có các yếu tính hợp nhất thu hút của tôn giáo mà lại còn là một hệ thống tín ngưỡng đi trực tiếp vào tâm hồn người dân, không cần qua trung gian một tôn giáo nào.*

Một khi đánh mất đi ý thức dân tộc, không còn hồn dân tộc, con người sẽ giống như một loài cây bị trốc rễ, bật gốc (vong bản). Người ấy dần dần bị tha hóa, không còn bản sắc, mất đi nội lực và sống dật dờ như bọt bèo trên dòng nước. Người da đen đã bị bắt cóc, áp tải ra khỏi quê hương sang những miền đất lạ để làm nô lệ tại Hoa Kỳ. Những người nô lệ xấu số này phải mang tên họ của các chủ nhân ông da trắng, sống như trâu ngựa trong một bối cảnh văn hóa hoàn toàn xa lạ. Cho đến thế hệ thứ II, thứ III của nhóm dân nô lệ Phi Châu này, họ không còn biết họ là ai? Từ đâu đến? Và họ chỉ biết kéo dài một kiếp ký sinh đọa đầy, cơ cực. Để khôi phục nội lực ngõ hầu có thể sống như một con người ngang hàng với các sắc dân khác tại Hoa Kỳ, người da đen đã phát động phong trào trở về nguồn cội Phi Châu dựa trên những lời ru, chuyện kể, bài hát, điệu múa do thế hệ nô lệ đầu tin truyền khẩu lại (1). Nhờ thế, nhiều người da đen đã trở về với tên họ Phi Châu (2), tìm lại nguồn gốc tổ tiên, dòng giống và bản sắc dân tộc..., dựa vào nội lực văn hóa nguồn cội Phi Châu mà đứng lên. Đây là một trường hợp điển hình nhưng không phải là duy nhất tại Mỹ, nơi mà mọi bản sắc sẽ bị hòa tan để trở thành bản sắc Hoa Kỳ, giống như một lò luyện kim (melting pot) với đủ thứ kim loại khác nhau được đổ vào để khi đổ ra sẽ thành một loại hợp kim đồng nhất (3). Tuy nhiên, trong ba thập niên vừa qua, biệt danh “lò luyện kim” của Hợp Chúng Quốc đã trở thành lỗi thời. Thông điệp của các sắc dân tại Hoa Kỳ là *bảo tồn dị biệt thay vì phát huy đồng nhất: hòa nhi bất đồng*. Từ đó, biểu tượng “lò luyện kim” đã được thay thế bằng “liễn rau xà-lách trộn” (salad bowl) gồm đủ màu sắc của các loại rau dị biệt. Ngoài cộng đồng “khai quốc công thần” đầy thế lực của những người da trắng gốc Anglo-Saxon theo đạo Tin Lành (WASP) (4), các sắc dân thuộc các màu da và tín ngưỡng khác đã khẳng định quyết tâm bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống của mình để có thể có đủ nội lực chen vai thích cánh với WASP. Hiện tượng này đã được Peter F. Drucker (5) mệnh danh là: *sự trở về của chủ nghĩa bộ lạc (tribalism)*. Chủ nghĩa này còn tràn lan dữ dội hơn tại Âu Châu sau khi khối cộng sản sụp đổ vào cuối thập niên 1980. Các sắc dân khác chủng tộc và tín ngưỡng trước đây bị áp đặt vào Liên Bang Xô Viết, Tiệp Khắc, Nam Tư... đã tách rời ra, đòi độc lập hoặc tự trị.

Theo Peter F. Drucker: *lý do chính yếu nảy sinh chủ nghĩa bộ lạc không phải bắt nguồn từ chính trị hoặc kinh tế mà do nhu cầu trở về nguồn cội (the needs for roots).* (6)

Cội rễ, căn cước và bản sắc dân tộc ấy nằm trong dòng sinh mệnh văn hóa mà chủ nghĩa dân tộc hàm dưỡng. Theo định nghĩa của Federico Mayor, Tổng giám đốc UNESCO: “*Bản sắc bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc kia, từ những sản phẩm tinh vi tân tiến nhất cho đến tín ngưỡng, tập quán, lối sống và lao động.*” (7)

Một con người bị tha hóa, lạc lõng trong biển người tứ xứ nếu không muốn trở thành một thực thể mờ nhạt, vô nghĩa hoặc chờ bị xoá nhòa đi thì người ấy bắt buộc phải trở về nguồn cội để tìm lại căn cước, bản sắc, truyền thống dân tộc để có thể dựa vào đó mà hiện ngang chen vai thích cánh với mọi người.

Hiện tượng trở về *bộ lạc chủ nghĩa* đã được John Naisbitt và Patricia Arburdane mệnh danh là *chủ nghĩa văn hóa dân tộc* - một hiện tượng xem ra nghịch lý trước xu thế vĩ mô đồng nhất hóa về mọi mặt trên khắp cả hoàn cầu. “*Khi lối sống của chúng ta càng trở nên đồng nhất chừng nào thì chúng ta lại càng bám víu vào những giá trị sâu xa - tôn giáo, ngôn ngữ, nghệ thuật, văn chương... chừng ấy. Khi thế giới bên ngoài ngày càng trở nên giống nhau, chúng ta càng trân quý hơn nữa các giá trị truyền thống nội tại.*” (8)

Trong khi đó, Drucker lại nhận định rằng: “*Chủ nghĩa bộ lạc không đối nghịch với chủ nghĩa liên quốc gia mà là trụ cực (pole) của chủ nghĩa sau này.*” (9). Trong thế giới liên quốc gia, mọi người đều cần gốc rễ, cần phải thấy mình thuộc về một cộng đồng địa phương nào đó.

Hơn nữa, ý thức dân tộc - *chủ nghĩa bộ lạc* theo Drucker hay *văn hóa dân tộc* theo Neisbitt - chẳng những là gốc rễ hoặc trụ cực để con người trong thời đại toàn cầu hóa này bám víu vào mà còn là nội lực không thể thiếu trong việc đi lọc, tiếp nhận và phát triển các nền văn hóa cũng như kỹ thuật ngoại nhập. Thiếu ý thức dân tộc, sự tiếp nhận và phát triển ý thức hệ, tín ngưỡng cũng như kỹ thuật và kinh tế ngoại nhập sẽ rất khó thực hiện cho có kết quả (10). Về mặt kinh tế, các kế hoạch phát triển quốc gia cũng như quốc tế nếu tách rời khỏi nền tảng văn hóa dân tộc thì sớm muộn gì cũng đưa đến thất bại.

Ý thức sâu sắc được yếu tố văn hóa dân tộc trong kế hoạch phát triển thế giới, trong phiên họp vào tháng 12 năm 1986, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã quyết định phát động Thập Kỷ Phát Triển Văn Hóa Thế Giới (1988-1997) với 4 mục tiêu:

- a. *Bảo đảm tôn trọng một cách thích đáng vai trò văn hóa trong các kế hoạch, chính sách và dự án phát triển.*
- b. *Khẳng định và đề cao các bản sắc văn hóa dân tộc, khuyến khích tài năng sáng tạo và cuộc sống có văn hóa.*
- c. *Mở rộng việc huy động các nguồn lực và khả năng sáng tạo của cá nhân và cộng đồng trong việc tham gia vào đời sống văn hóa.*
- d. *Đẩy mạnh giao lưu và hợp tác quốc tế trên lãnh vực văn hóa.* (11)

Sự gậy đổ kinh tế của Á Châu trong toàn bộ kiến trúc kinh tế toàn cầu gần đây, một phần không nhỏ, có thể do sự áp đặt một cách máy móc nền văn minh kỹ thuật Tây phương mà bắt kể đến truyền thống văn hóa của những xã hội Đông phương.

Chính sự áp đặt máy móc và trịch thượng của nền văn minh kỹ thuật Tây phương trong kế hoạch toàn cầu hóa đã tạo ra một phản ứng tại Á Châu mà Naisbitt nhận định như là “*những dấu hiệu phản xu thế rõ rệt và mạnh mẽ, một sự trả đũa tham vọng toàn cầu hóa, một ý muốn khẳng định sự cá biệt của văn hóa, ngôn ngữ và cự tuyệt ảnh hưởng ngoại lai.*” (12).

Trong khi đó, Peter F. Drucker dường như đã tìm ra được thuốc giải cho căn bệnh nan y phản xu thế toàn cầu hóa này khi đưa ra phương hướng giáo dục mẫu người trí thức trong xã hội hậu tư bản - một xã hội của trí tuệ liên quốc gia mà tài nguyên là kiến thức và thông tin. Những con người trí thức này thiết yếu phải được truyền thừa di sản quá khứ – một di sản rộng lớn hơn là nền văn minh thuần Tây phương theo truyền thống Do Thái-Ky Tô (Judeo-Christian Tradition).

Con người trí thức mà ta cần trong giai đoạn hậu tư bản này phải biết trân trọng các nền văn hóa và truyền thống khác: di sản vĩ đại qua họa bản và đồ sứ của Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn..., các triết lý và tôn giáo Đông phương cũng như Hồi giáo cả về phương diện tôn giáo lẫn văn hóa. (13).

Con người trí thức của ngày mai sẽ phải chuẩn bị sống trong một thế giới toàn cầu. Đây là một thế giới Tây phương hóa nhưng cũng là một thế giới càng ngày càng bộ lạc hóa. Họ sẽ phải trở thành một công dân thế giới về khía cạnh viễn kiến, phạm vi hiểu biết và thông tin. Tuy nhiên, họ cũng sẽ phải hút được những chất bổ dưỡng từ cội rễ bản địa của mình, và để rồi, làm phong phú hơn nền văn hóa bản địa bằng các chất bổ dưỡng thích hợp khác của thế giới. (14).

Như vậy, trong xu thế toàn cầu hóa liên quốc gia, sự áp đặt một chiều khi lấy di sản văn hóa Tây phương làm trọng tâm phải được thay bằng thế tương tác giữa các nền văn hóa thì mới có hy vọng thoát khỏi những chướng ngại vật hiện đang vấp phải.

Tóm lại, văn hóa dân tộc - hồn của dân tộc chủ nghĩa - không những chỉ là nội lực, cội nguồn, bản sắc của dòng sinh mệnh dân tộc mà còn là yếu tố thiết yếu trong sự tiếp nhận thành công xu thế toàn cầu hóa / liên quốc gia hiện nay.

Vậy thì, việc trở về nguồn để tìm lại bản sắc, nội lực của nếp sống dân tộc - Đạo Sống Việt – xem ra chẳng phải là chuyện lắm cảm và lạc hậu trong lúc ngôi làng hoàn vũ đang trên xu thế hình thành.

Thường Nhược Thủy
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org

Tài Liệu Tham Khảo / Chủ Thích:

1. Điển hình là cuốn tiểu thuyết Roots của Alex Haley, sau đó đã được chuyển thành kịch bản truyền hình nhiều kỳ.
2. Thí dụ như võ sĩ Cassius Clay đã đổi tên họ thành Mohamed Ali.
3. Văn hào H. G. Wells đã nhận định như sau: “Hoa Kỳ là một Tân Thế Giới, tại đó chẳng còn hiện hữu các chủng tộc và các quốc gia nữa. Nó là một lò luyện kim và từ đó họ sẽ đúc ra một nước tốt đẹp hơn.”
4. White Anglo Saxon Protestants.
5. Peter F. Drucker - Post-Capitalist Society- Harper Business, 1994, trang 152.
6. Sách đã dẫn, trang 154.
7. Le Courier de L’Unesco, tháng 11, 1989, trang 5.
8. John Naisbit & Patricia Arburdance – Megatrends 2000- William Morrow & Co, Inc, N.Y., 1990, trang 120.
9. Sách đã dẫn, trang 155.
10. Sự quan trọng của việc hội nhập đức tin và văn hóa bản địa đã được Đức Giáo Hoàng Phaolô II minh thị trong bức thư gửi ĐHY Quốc Vụ Khanh ngày 20-5-82 như sau: “Một đức tin không trở thành văn hóa là một đức tin không hoàn toàn được tiếp nhận, suy tư và sống một cách trung thực.”
11. Trần Ngọc Thêm – Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam, 1996, trang 10.
12. Sách đã dẫn, trang 19.
13. Sách đã dẫn, trang 213-214.
14. Sách đã dẫn, trang 214-215.